TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị T - sinh năm 1972 (có mặt).
Thường trú: ấp Kinh T, xã Khánh L, huyện T, tỉnh Cà Mau
Chỗ ở hiện nay: ấp 9, xã Nguyễn P, huyện M, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1964 (xin vắng mặt).
Trú tại: ấp Kinh T, xã Khánh L, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Cẩm Lụa trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1988, chị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cự cãi. Anh T thường xuyên nhậu, không chăm sóc vợ con và chửi xúc phạm chị T. Hai người đã ly thân gần 02 năm nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 người con là Nguyễn Như V – sinh năm 1992 và Nguyễn Huỳnh N – sinh năm 1993 đã trưởng thành.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 28-5-2018 tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị Mai Thị T chung sống với nhau hơn 30 năm, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị T bỏ nhà đi hơn 02 năm nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 người con là Nguyễn Như V – sinh năm 1992 và Nguyễn Huỳnh N – sinh năm 1993 đã trưởng thành.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

Do điều kiện đi làm ăn xa nên anh T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 1988, chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày: Vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cự cãi. Anh T thường xuyên nhậu, không chăm sóc vợ con và chửi xúc phạm chị T. Anh T xác định do chị T bỏ nhà đi 02 năm nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Xét mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh T có 02 người con là Nguyễn Như V – sinh năm 1992 và Nguyễn Huỳnh N – sinh năm 1993 đã trưởng thành.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị T và anh T xác định không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 người con là Nguyễn Như V – sinh năm 1992 và Nguyễn Huỳnh N – sinh năm 1993 đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh T xác định không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16-4-2018, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008055 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Hoàng Đắc